

Quảng ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần Giám định – Vinacomin

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần giám định –Vinacomin

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng
- Căn cứ thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính về Hướng dẫn một số điều của định số 71/2017/NĐ-CP
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Giám định-Vinacomin

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Giám định- Vinacomin xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Giám định – Vinacomin (Có bản Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đính kèm) .

Ban kiểm soát Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho Trưởng ban kiểm soát Công ty ký quyết định ban hành .

Nơi nhận:

- Các cổ đông công ty
- Các thành viên HĐQT, BKS
- GD, phó GD, KTT
- Lưu VT, Thư ký

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Phan Thị Hương

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH-VINACOMIN
(Bản dự thảo trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Giám định-Vinacomin.
2. Mọi hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát, đơn vị, cá nhân tại Công ty có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm phải tuân thủ quy định của Điều lệ công ty, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Hoạt động của Ban kiểm soát phải đảm bảo khách quan, trung thực, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ công ty và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trong quá trình kiểm tra, giám sát các thành viên của Ban kiểm soát không được làm cản trở, hoặc gây gián đoạn trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
4. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát phải được xem xét trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.
5. Các báo cáo, kết luận, kiến nghị của ban kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.
6. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân trong phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình;

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Cơ cấu, tổ chức của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, thay mặt Cổ đông thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát mọi hoạt động quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty giữa các kỳ ĐHĐCĐ

2. Ban kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm, thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Việc bầu và miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Trường hợp khi thành viên Ban kiểm soát giảm quá một phần ba ($\frac{1}{3}$) so với số thành viên quy định trong điều lệ công ty thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, công ty phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên theo quy định.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Tiêu chuẩn, điều kiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 164, Điều 169 Luật doanh nghiệp và quy định của Điều lệ công ty

Điều 5. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, Điều 22 Nghị định 71 và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

7. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm Trách nhiệm của người quản lý công ty được quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật doanh nghiệp.

11. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

Điều 6. Trách nhiệm của Trưởng ban kiểm soát

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định: Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của ban kiểm soát về các vấn đề liên quan đến quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã ban hành;

2. Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban kiểm soát.

3. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát các công việc thuộc thẩm quyền;

4. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát

5. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

6. Thay mặt Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp giao ban, tháng, quý, năm của Công ty; các phiên họp của Hội đồng quản trị.

7. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

8. Ủy quyền cho một thành viên của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

9. Chấp hành các quy định khác của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

4. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban kiểm soát. Chịu trách nhiệm về các ý kiến của mình đối với lĩnh vực công việc được giao. Mỗi quý một lần có báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng ban kiểm soát.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục 1,2,3 của điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thành viên đó phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục 3 của điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Điều 8. Quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

- Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, các đơn vị trong công ty; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản

lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

2. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán độc lập muốn bàn bạc. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty.

3. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty. Tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết.

5. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

6. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

7. Yêu cầu ĐHCĐ; Hội đồng quản trị họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty theo quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

8. Thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CHƯƠNG III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể kết hợp với chế độ chịu trách nhiệm cá nhân của Kiểm soát viên. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát phải tuân thủ Pháp luật, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch và kịp thời. Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo cách thức sau:

1. Chế độ làm việc định kỳ:

Quý một lần, Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính trong Công ty thông qua việc kiểm tra hoạt động quản lý và sử dụng nguồn vốn, hoạt động đầu tư, việc chấp hành chế độ chính sách, hạch toán, quản lý tài sản công ty, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, kết quả kinh doanh ..., bao gồm cả kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, việc luân chuyển và lưu trữ các chứng từ, sổ sách kế toán ...

Trước phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất 30 ngày, Ban kiểm soát phải tiến hành họp, tổng hợp các vấn đề thuộc trách nhiệm của mình, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để báo cáo tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Chế độ làm việc đột xuất: Trong trường hợp xét thấy cần kiểm tra, Ban kiểm soát có thể tiến hành việc kiểm tra đột xuất nhưng không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của bộ phận bị kiểm tra, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Chế độ báo cáo: Trong mỗi lần kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, Ban kiểm soát đều phải có Biên bản làm việc và phải công bố công khai kết quả kiểm tra trước khi gửi tới Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. biên bản phải được các thành viên kiểm tra cùng ký tên.

4. Cách thức giải quyết mâu thuẫn (nếu có) giữa các Kiểm soát viên: Trong quá trình kiểm tra định kỳ cũng như đột xuất nếu các ý kiến của các Kiểm soát viên không thống nhất nhau về một vấn đề thì các Thành viên có quyền bảo lưu ý kiến và đưa vào Biên bản kiểm tra, báo cáo Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 11. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát, trường hợp vắng mặt, Trưởng ban kiểm soát uỷ quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên có mặt. Các cuộc họp của Ban kiểm soát gồm:

- Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ mỗi quý một lần.
- Cuộc họp bất thường: Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của công ty. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc; Trưởng ban kiểm soát; 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát;

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường, Trưởng ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên phải có ngay văn bản báo cáo Đại hội đồng cổ đông và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một Kiểm soát viên đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chuẩn giữ chức danh Trưởng Ban gửi các cổ đông xin ý kiến biểu quyết, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

2. Khi cần, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.

3. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty.

4. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 03 (ba) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên.

5. Biểu quyết:

- Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác (là người được quyền tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

- Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán. Các kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát và kết luận theo đa số. Mỗi thành viên có quyền bảo lưu ý kiến trong báo cáo của Ban kiểm soát.

- Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

6. Biên bản họp Ban kiểm soát:

Cuộc họp ban kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, ghi chi tiết rõ ràng và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Thư ký cuộc họp do trưởng ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp.

Các biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

Điều 12. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý cấp trên, Nhà nước:

- Ban kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, kiểm soát theo quy định hiện hành.

- Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Đại hội đồng cổ đông, các cơ quan quản lý cấp trên, Nhà nước trong trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên khác trong Công ty.

2. Quan hệ với cổ đông:

- Ban kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát định kỳ cho ĐHĐCĐ, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

- Ban kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định trong Điều lệ Công ty.

- Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng và có báo cáo gửi cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Quan hệ với Hội đồng quản trị:

- Ban kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng, độc lập

trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- Ban kiểm soát báo cáo Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị, đề xuất với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về mặt tài chính

- Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 30 ngày để thẩm định.

- Ban kiểm soát phải tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Quan hệ với Giám đốc Công ty:

- Ban kiểm soát và ban giám đốc hoạt động theo nguyên tắc độc lập (giữa cơ quan giám sát với cơ quan quản lý điều hành). Hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Phối hợp chặt chẽ trong công tác giám sát, kiểm tra quản lý các đơn vị thành viên.

- Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, các buổi giao ban thường kỳ, hội nghị sơ kết, tổng kết của Công ty.

- Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kiểm soát. Ban kiểm soát kiến nghị đề xuất với Giám đốc công ty để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những sai phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của tổng giám đốc

- Khi nhận được kiến nghị. Giám đốc công ty sẽ xem xét để đưa ra kết luận, quyết định xử lý. Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.

- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

5. Quan hệ với các đơn vị, bộ phận điều hành:

- Trưởng đơn vị được kiểm tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát, đoàn kiểm tra.

- Các đơn vị của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 13. Khen thưởng, kỷ luật

1. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng theo chế độ khen thưởng chung của Nhà nước và Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Công ty thì tùy theo mức độ sai phạm mà xử lý kỷ luật về hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Mất tư cách Kiểm soát viên

Kiểm soát viên đương nhiên bị mất tư cách theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát bị mất tư cách theo quy định như trên thì các thành viên còn lại sẽ cử 01 thành viên đảm nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát cho đến khi được bầu lại.

Điều 15. Điều kiện và chi phí làm việc của Ban kiểm soát

1. Phòng làm việc của Trưởng ban kiểm soát được đặt tại trụ sở Công ty.
2. Khi có nhu cầu về cán bộ, nhân viên hỗ trợ công tác kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát đề nghị với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty để thực hiện việc bố trí cán bộ, nhân viên hỗ trợ.
3. Các Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí hoạt động như ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hoặc khi tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát phục vụ cho nhiệm vụ được thanh toán vào chi phí của Công ty theo chứng từ, hoá đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của Pháp luật và của Công ty.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm 16 Điều khoản, đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí thông qua toàn văn ngày 23 tháng 4 năm 2018, và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban, đơn vị, bộ phận trực thuộc công ty và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
2. Những nội dung khác về chế độ làm việc của Ban kiểm soát, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản khác của Công ty.
3. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh về thư ký Công ty để tổng hợp báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế./.